

**QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP
NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Hội đồng quản lý Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận (sau đây gọi tắt là “Quỹ”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Quỹ cho kỳ kế năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Hội đồng quản lý và Ban điều hành, quản lý quỹ trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
------------------	----------------	----------------------	------------------------

Hội đồng quản lý

Ông Phạm Văn Hậu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Trường	Phó Chủ tịch
Ông Phan Quỳnh Dao	Thành viên

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Anh Tuấn

ĐẠI DIỆN QUẢN LÝ QUỸ

Người đại diện quản lý Quỹ là ông Phan Quỳnh Dao, chức danh Thành viên Hội đồng quản lý, theo nội dung đề án chuyển đổi mô hình hoạt động của Quỹ tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được phê duyệt tại Quyết định số 03/2018/QĐ-UBND ngày 08 tháng 1 năm 2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Quỹ.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng quản lý Quỹ cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng quản lý Quỹ đảm bảo rằng, Quỹ đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Quỹ và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Hội đồng quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Quỹ và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

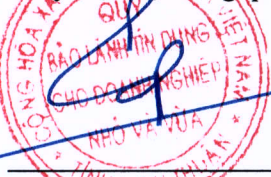
Số 59 đường 16/4, thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ (tiếp theo)

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Hội đồng quản lý, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng quản lý



Phan Quỳnh Dao - Thành viên

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ**
QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2020, từ trang 6 đến trang 23 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản lý quỹ

Hội đồng quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Quỹ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản lý xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản lý cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt



VĂN NAM HẢI - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0832-2018-037-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Vietland

LÊ TRANG THỦY DUNG - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: : 4724-2019-037-1

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		64.168.925.097	60.951.119.778
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	782.102.074	1.032.523.186
1. Tiền	111		82.102.074	162.523.186
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	870.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		61.790.000.000	58.923.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	61.790.000.000	58.923.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.595.521.723	994.295.292
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	774.064.136	208.280.000
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	821.457.587	786.015.292
IV. Hàng tồn kho	140		1.301.300	1.301.300
Hàng tồn kho	141	V.5	1.301.300	1.301.300
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.625.000	24.675.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		17.625.000	24.675.000
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	17.625.000	24.675.000
Nguyên giá	222		35.250.000	35.250.000
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.625.000)	(10.575.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		64.186.550.097	60.975.794.778

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	31/12/2018
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.005.474.261	3.278.963.626
I. Nợ ngắn hạn	310		1.561.211.327	949.857.519
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.7	795.106.464	151.111.862
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.8	-	20.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	658.303.171	591.799.965
4. Phải trả người lao động	314		-	79.144.000
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.10	107.801.692	107.801.692
II. Nợ dài hạn	330		2.444.262.934	2.329.106.107
Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.11	2.444.262.934	2.329.106.107
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.12	60.181.075.836	57.696.831.152
I. Vốn chủ sở hữu	410		60.181.075.836	57.696.831.152
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		28.271.494.165	14.320.942.688
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	12.708.429.136
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.909.581.671	667.459.329
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		1.909.581.671	667.459.329
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		64.186.550.097	60.975.794.778

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Phan Quỳnh Dao
Thành viên HĐQT

Hồ Sĩ Tường Trâm
Phụ trách kế toán

Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

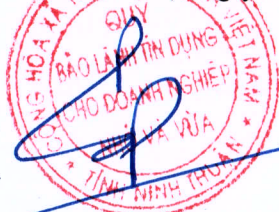
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	46.000.000	40.250.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		46.000.000	40.250.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	784.606.464	701.111.862
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(738.606.464)	(660.861.862)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.179.848.972	4.117.108.235
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	302.818.572	613.292.194
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.138.423.936	2.842.954.179
11. Thu nhập khác	31		1.919	-
12. Chi phí khác	32		-	38.506.735
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	1.919	(38.506.735)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.138.425.855	2.804.447.444
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.6	654.181.171	587.403.165
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.484.244.684	2.217.044.279

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020



Phan Quỳnh Dao
Thành viên HĐQT

Hồ Sĩ Tường Trâm
Phụ trách kế toán

Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

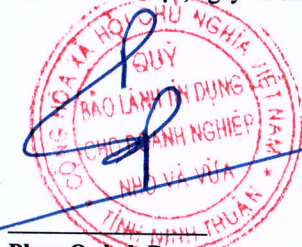
Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B03-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46.001.919	40.250.000
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(153.343.607)	(662.375.248)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(219.621.600)	(801.856.226)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(587.403.165)	(409.391.251)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		386.113.000	8.185.037
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.473.574.336)	(427.305.593)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.001.827.789)	(2.252.493.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(61.790.000.000)	(58.923.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		60.353.000.000	57.499.039.164
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.188.406.677	4.084.386.121
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.751.406.677	2.660.425.285
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(250.421.112)	407.932.004
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.032.523.186	624.591.182
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	782.102.074	1.032.523.186

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020

Phan Quỳnh Đào
Thành viên HĐQT
Hồ Sĩ Tường Trâm
Phụ trách kế toán
Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU B09-DN

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Hình thức sở hữu vốn

Quỹ Bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Ninh Thuận được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 150/2008/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

• **Vốn điều lệ :** 30.000.000.000 VND

• **Trụ sở hoạt động**

Địa chỉ : Số 59 đường 16/4, Thành phố Phan Rang- Tháp Chàm, Ninh Thuận

Điện thoại : 0259 382 6112

Fax : 0259 382 6112

Mã số thuế : 4500289203

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Quỹ là tổ chức tài chính hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn vốn và bù đắp chi phí.

3. Ngành, nghề kinh doanh

Chức năng chủ yếu của Quỹ là cấp bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận theo đúng đối tượng, đúng quy định hiện hành; thực hiện việc mở sổ kế toán theo dõi toàn bộ vốn và tài sản hiện có theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp Nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Quỹ được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Số lượng nhân viên quản lý của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 04 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 04 người).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Quỹ áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng quản lý quỹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Quỹ áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Hội đồng quản lý quỹ có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản lý quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại ngày Báo cáo tài chính.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Quỹ thể hiện các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Quỹ có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Quỹ tiến hành đánh giá khả năng thu hồi. Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Lãi/ lỗ khi thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Quỹ và người mua là đơn vị độc lập với Quỹ bao gồm các khoản phải thu về tiền bán hàng, phải thu tiền thi công xây dựng các công trình, phải thu dịch vụ cung cấp.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm các khoản phải thu tạo ra doanh thu tài chính, như: phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia; các khoản phải chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại, các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tạm ứng nhân viên; các ký quỹ, ký cược và các khoản phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra tại ngày Báo cáo tài chính đối với các khoản nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, như khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và các trường hợp khó khăn tương tự. Tăng, giảm số dư dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Quỹ được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Quỹ được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày Báo cáo tài chính. Tăng, giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

7. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Số năm

Thiết bị văn phòng

5

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước thể hiện khoản trả trước các chi phí khác.

Các chi phí trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước ngắn hạn”; ngược lại, các chi phí trả trước có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước được phản ánh vào “chi phí trả trước dài hạn”.

Các chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này như sau:

- Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế tương lai cho Quỹ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng ước tính từ 2 đến 3 năm.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Quỹ, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người ủy thác.
- Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ, bao gồm các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ, các khoản tiền bên nhận ủy thác của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu; các khoản phải trả không mang tính chất thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chưa giải quyết, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ,...

10. Vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận thuần

Cơ cấu vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Quỹ bao gồm:

- Vốn điều lệ do ngân sách cấp khi thành lập tối thiểu là 30 tỷ đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ dự phòng tài chính
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Quỹ sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận thuần

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo hướng dẫn tại điều 43 của Nghị định 34/2018/NĐ-CP ngày 8 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Quỹ đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Quỹ không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Quỹ sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu từ chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được điều kiện ghi nhận doanh thu nói trên, các khoản tiền thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào chỉ tiêu người mua trả tiền trước trên Bảng cân đối kế toán đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trong trường hợp giao dịch về các dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

12. Chi phí

Chi phí là những khoản giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh trên nguyên tắc phù hợp với doanh thu trong kỳ. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để bảo đảm phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

13. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Quý căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Quỹ có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Quỹ có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Quỹ nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Quỹ nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các Quỹ hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	31/12/2018
Tiền mặt	25.000.000	10.911.081
Tiền gửi ngân hàng	57.102.074	151.612.105
Các khoản tương đương tiền	700.000.000	870.000.000
Cộng	782.102.074	1.032.523.186

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	61.790.000.000	61.790.000.000	58.923.000.000	58.923.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng Đầu tư CN tỉnh Ninh Thuận	44.400.000.000	44.400.000.000	42.700.000.000	42.700.000.000
Tiền gửi tại Ngân hàng Công Thương CN tỉnh	17.390.000.000	17.390.000.000	16.223.000.000	16.223.000.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Ninh Thuận</i>				
Cộng	61.790.000.000	61.790.000.000	58.923.000.000	58.923.000.000

Tiền gửi kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ trên 3 tháng đến 01 năm tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân 6,90%/năm (năm 2018: 6,50%/năm).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	31/12/2018
Công ty Cổ phần doanh nhân trẻ Ninh Thuận	575.784.136	-
Công ty TNHH TM-DV điện lạnh Thanh Vương	198.280.000	208.280.000
Cộng	774.064.136	208.280.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển tỉnh Ninh Thuận	560.485.616	-	551.331.369	-
Dự thu lãi tiền gửi Ngân hàng TMCP Công Thương chi nhánh tỉnh NT	260.371.971	-	234.083.923	-
Chi Cục thi hành án Dân sự Tp. PRTC	600.000	-	600.000	-
Cộng	821.457.587	-	786.015.292	-

5. Hàng tồn kho

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	1.301.300	-	1.301.300	-
Cộng	1.301.300	-	1.301.300	-

6. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	35.250.000	35.250.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	35.250.000	35.250.000

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

	Thiết bị văn phòng	Cộng
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	10.575.000	10.575.000
Tăng trong năm	7.050.000	7.050.000
Khấu hao trong năm	7.050.000	7.050.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	17.625.000	17.625.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	24.675.000	24.675.000
Số cuối năm	17.625.000	17.625.000

7. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Kiểm toán Tư vấn Đất Việt	10.500.000	10.500.000	10.000.000	10.000.000
Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Ninh Thuận	784.606.464	784.606.464	141.111.862	141.111.862
Cộng	795.106.464	795.106.464	151.111.862	151.111.862

8. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	31/12/2018
Công ty CP Doanh nhân trẻ Ninh Thuận	-	20.000.000
Cộng	-	20.000.000

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	587.403.165	654.181.171	(587.403.165)	654.181.171
Thuế thu nhập cá nhân	4.396.800	24.402.400	(24.677.200)	4.122.000
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	591.799.965	681.583.571	(615.080.365)	658.303.171

- Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành.

Phương pháp tính thu : Phương pháp trực tiếp

- Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem Thuyết minh số VI.6

- Các loại thuế khác**

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo).

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế khác theo qui định hiện hành.

10. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2019	Năm 2018
Tại ngày 01 tháng 01	107.801.692	299.738.192
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	108.663.500
Chi các quỹ	-	(300.600.000)
Tại ngày 31 tháng 12	107.801.692	107.801.692

11. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn là quỹ dự phòng rủi ro được trích lập theo hướng dẫn tại khoản 3 điều 36 Nghị định 34/2018/NĐ - CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ. Quỹ Bảo lãnh tín dụng được sử dụng khoản dự phòng rủi ro để bù đắp các khoản nợ cho vay bắt buộc khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho khách hàng mà không thu hồi được nợ. Cuối năm, nếu không sử dụng hết khoản dự phòng rủi ro, số dư của khoản dự phòng rủi ro được chuyển sang năm tiếp theo.

Tình hình biến động quỹ dự phòng rủi ro bảo lãnh như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Tại ngày 01 tháng 01	2.329.106.107	2.329.106.107
Trích lập dự phòng trong năm	115.156.827	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Tại ngày 31 tháng 12	2.444.262.934	2.329.106.107

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (**)	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	13.212.541.572	12.466.831.141	-	55.679.372.713
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	2.217.044.279	2.217.044.279
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	1.108.401.116	-	(1.549.584.950)	(441.183.835)
Trích lập từ lợi nhuận trong năm trước	-	-	332.520.335	-	332.520.335
Giảm theo quyết định điều chuyển của Sở Tài chính	-	-	(90.922.340)	-	(90.922.340)
Số cuối năm trước	30.000.000.000	14.320.942.688	12.708.429.136	667.459.329	57.696.831.152
Số đầu năm nay	30.000.000.000	14.320.942.688	12.708.429.136	667.459.329	57.696.831.152
Lợi nhuận năm nay	-	-	-	2.484.244.684	2.484.244.684
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	1.242.122.342	-	(1.242.122.342)	-
Chuyển số dư sang theo NĐ 34/2018/NĐ-CP (*)	-	12.708.429.136	(12.708.429.136)	-	-
31/12/2018	30.000.000.000	28.271.494.165	-	1.909.581.671	60.181.075.836

(*) Số dư từ lợi nhuận sau thuế của các năm trước để lại, năm 2019 được ghi nhận vào Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ Bảo lãnh tín dụng theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 điều 43 Nghị định 34/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ. Theo đó, chi tiết số dư Quỹ Đầu tư Phát triển như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Quỹ Đầu tư phát triển	23.933.107.228	10.479.404.688
Quỹ Dự phòng tài chính	4.338.386.937	3.841.538.000
Cộng	28.271.494.165	14.320.942.688

(**) Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Quỹ đang chờ để bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo quyết định của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo hướng dẫn tại điểm c khoản 2 điều 43 Nghị định 34/2018/NĐ-CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ.

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Quỹ đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2019 theo hướng dẫn tại khoản 2 điều 43 Nghị định 34/2018/NĐ - CP ngày 8/3/2018 của Chính phủ như sau:

	Năm 2019	Năm 2018
Trích Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	332.520.335
Trích Quỹ dự phòng tài chính	497.108.137	443.360.446
Trích Quỹ đầu tư phát triển nghiệp vụ	-	665.040.669
Trích Quỹ đầu tư phát triển	745.662.205	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	108.663.500
Cộng	1.242.770.342	1.549.584.950

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.000.000	40.250.000
Cộng	46.000.000	40.250.000

2. Giá vốn hàng bán

Chi phí ủy thác quản lý hoạt động	784.606.464	701.111.862
Cộng	784.606.464	701.111.862

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.179.848.972	4.117.108.235
Cộng	4.179.848.972	4.117.108.235

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý	164.880.000	491.434.315
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	6.586.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.050.000	13.037.628
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	115.156.827	-
Chi phí bằng tiền khác	12.731.745	99.234.251
Cộng	302.818.572	613.292.194

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Lợi nhuận (lỗ) khác**

	Năm 2019	Năm 2018
Thu nhập khác	1.919	-
Thu nhập khác	1.919	-
Chi phí khác	-	38.506.735
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	38.506.735
Lợi nhuận (lỗ) khác thuần	1.919	(38.506.735)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.138.425.855	2.804.447.444
Các khoản điều chỉnh LNKT trước thuế	132.480.000	132.568.380
Các khoản điều chỉnh tăng	132.480.000	159.720.000
- Chi phí thù lao HĐQT không chuyên trách	132.480.000	159.720.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(27.151.620)
- Thu nhập không tính thuế (CL vĩnh viễn)	-	(27.151.620)
Thu nhập tính thuế	3.270.905.855	2.937.015.824
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	654.181.171	587.403.165
Chi phí thuế TNDN hiện hành	654.181.171	587.403.165

Quỹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan****Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan khác với Quỹ gồm:

Bên liên quan

UBND tỉnh Ninh Thuận

Mối quan hệ

Chủ sở hữu

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Quỹ với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
UBND tỉnh Ninh Thuận		
Tăng vốn từ lợi nhuận	-	332.520.335
Giảm vốn trong năm	-	(90.922.340)

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đã cấp từ UBND tỉnh Ninh Thuận	42.708.429.136	42.708.429.136
Cộng	42.708.429.136	42.708.429.136

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính

QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA TỈNH NINH THUẬN

Số 59, Đường 16/4, Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, thù lao của Người quản lý của Quỹ	164.880.000	793.978.375
Cộng	164.880.000	793.978.375

Tỉnh Ninh Thuận, ngày 18 tháng 3 năm 2020 ✓



Phan Quỳnh Dao
Thành viên HĐQT

Hồ Sĩ Tường Trâm
Phụ trách kế toán

Hồ Sĩ Tường Trâm
Người lập biểu



Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính